

ĐÁNH GIÁ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
CHỦ ĐỀ NGUYÊN SINH VẬT

Câu 1. Sinh vật nào sau đây không thuộc nhóm nguyên sinh vật?

Trùng roi.

Tảo silic.

Tảo lục đơn bào.

Ếch giun.

Câu 2. "Cơ thể đơn bào luôn thay đổi hình dạng, di chuyển bằng chân giả nhờ dòng chất nguyên sinh dồn về một phía tạo thành chân giả" – đây là đặc điểm cấu tạo của sinh vật nào?

Trùng biến hình.

Trùng roi.

Tảo xoắn.

Trùng giày.

Câu 3. Nối tên các nguyên sinh vật sau với đặc điểm tương ứng của chúng.

Tên các nguyên sinh vật	Đặc điểm
1. Trùng roi	Cơ thể đơn bào hình thoi, có một roi dài. Roi xoáy vào nước giúp cơ thể di chuyển.
2. Trùng giày	Cơ thể đơn bào có hình dạng giống đế giày. Di chuyển nhờ lông
3. Tảo lục đơn bào	Cơ thể đơn bào với nhiều hình dạng khác nhau, sống đơn độc hay thành tập đoàn, có thành tế bào và vách ngăn ở giữa.
4. Tảo silic	Hình cầu, có màu xanh lục, mang nhiều lục lạp

Câu 4. Nguyên sinh vật nào sau đây mang lại nhiều lợi ích cho các rạn san hô?

Vi khuẩn.

Trùng giày.

Tảo.

Trùng roi.

Câu 5. Bệnh sốt rét do nguyên sinh vật gây ra có trung gian truyền bệnh là muỗi.

ruồi.

virus.

vi khuẩn.

Câu 6. Biện pháp nào sau đây **không** hạn chế nguy cơ gây bệnh sốt rét?

Tiêu diệt muỗi và tránh bị đốt.

Ăn các món gỏi.

Ăn uống hợp vệ sinh.

Vệ sinh sạch sẽ.

Câu 7. Nhận định nào sau đây **sai** khi nói về nguyên sinh vật?

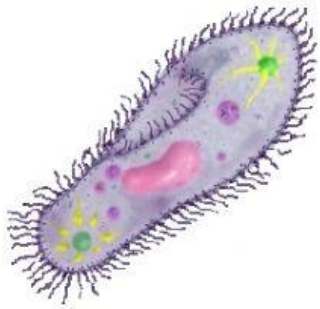
Cấu tạo đơn bào.

Mang lại nhiều lợi ích cho cuộc sống.

Thuộc nhóm sinh vật cấu tạo từ tế bào nhân sơ.

Kích thích miễn dịch.

Câu 8. Hình ảnh dưới đây mô tả nguyên sinh vật nào?

Tảo silic. Tảo lục đơn bào. Trùng giày. Trùng roi.	
---	---

Câu 9. Loài nguyên sinh vật nào sau đây chỉ gây hại cho con người?

- | | |
|----------------|-------|
| Trùng kiết lị. | Rong. |
| Vi khuẩn. | Tảo. |

Câu 10. Nguyên sinh vật nào sau đây có khả năng quang hợp?

- | | |
|----------------|------------------|
| Tảo. | Trùng biến hình. |
| Trùng kiết lị. | Trùng sốt rét. |

Câu 11. Nguyên sinh vật làm thức ăn cho những động vật nào?

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| Cá, vi khuẩn, tảo. | Cá, tôm, cua. |
| Tôm, cua, vi khuẩn, tảo. | Vi khuẩn, tảo, cá. |

Câu 12. Nối tên nguyên sinh vật (cột A) tương ứng với từng lợi ích và tác hại của chúng (cột B)

Cột A		Cột B
1. Trùng giày		a. Gây bệnh sốt rét ở người
2. Trùng sốt rét		b. Gây bệnh kiết lị ở người
3. Trùng kiết lị		c. Làm thức ăn cho các loài động vật nhỏ

Câu 13. Bệnh kiết lị ở người do nguyên sinh vật nào gây ra?

- | | |
|-----------|----------------|
| Virus. | Trùng kiết lị. |
| Vi khuẩn. | Trùng sốt rét. |

Câu 15. Trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- | | |
|----------------|-----------------|
| Đường tiêu hoá | Đường sinh dục |
| Đường hô hấp | Đường bài tiết. |